

Số: 05/2026/QĐST-KDTM

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 7 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2026/TLST-KDTM ngày 30/01/2026.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển BIDV Việt Nam; *người đại diện theo pháp luật*: Ông Lê Ngọc L - Tổng Giám đốc; Trụ sở: Số 194 Trần Quang K, phường H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo uỷ quyền*: Ông Đặng Văn D - Giám đốc Chi nhánh Hà Giang. *Người được uỷ quyền lại tham gia tố tụng*: Bà Nguyễn Thị T - Trưởng phòng KHCN; CCCD số 0021xxxxx, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 13/4/2021 và bà Hoàng Ly L - Chuyên viên quản lý khách hàng, Phòng khách hàng cá nhân; Căn cước số 02519xxxxxx, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 19/9/2025 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Số 382 Nguyễn T, phường H 1, tỉnh Tuyên Quang; (theo Quyết định về việc uỷ quyền tham gia tố tụng số 764/QĐ-BIDV.HG ngày 15/4/2026); có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Kim O, sinh năm: 1991; CCCD số: 0081xxxxxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 13/10/2023 và anh Trần Duy H, sinh năm: 1991; CCCD số: 015xxxxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 06/9/2021. Cùng địa chỉ thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: Tổ 7, phường Nguyễn T, thành H, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là tổ 7, phường H 1, tỉnh Tuyên

Quang. Nơi ĐKKHKT của chị O hiện nay: Số nhà 794, đường Trường C, thôn 6, xã B, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ĐKKHKT của anh H hiện nay: Thôn Đoàn K, xã B, tỉnh Lào Cai;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Quốc D, sinh năm: 1964; Căn cước số: 00806xxxxxxx do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 17/11/2025; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (cũ) nay là Số nhà 794, đường T, thôn 6, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng số tiền chị Phạm Thị Kim O và anh Trần Duy H còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang, tính đến hết ngày 23/6/2026 là **3.362.425.684** đồng, tổng dư nợ gốc là 2.738.276.291 đồng, tổng dư nợ lãi là 624.149.393 đồng, cụ thể số tiền nợ trên mỗi Hợp đồng như sau:

+ Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2023/15434758/HĐTD đã ký ngày 23/10/2023: Dư nợ gốc là 2.634.276.291 đồng; tổng dư nợ lãi là 603.431.465 đồng (*trong đó nợ lãi là 492.113.219 đồng, lãi chậm trả là: 111.318.246 đồng*).

+ Hợp đồng trung dài hạn mua sắm tiêu dùng số: 01/2024/15434758/HĐTD đã ký ngày 26/4/2024. Dư nợ gốc là: 104.000.000 đồng, tổng dư nợ lãi là 20.717.928 đồng (*trong đó nợ lãi trong hạn và quá hạn là 19.216.598 đồng, lãi chậm trả là: 1.501.330 đồng*).

2.2. Kể từ ngày 24/6/2026, cho đến khi tất toán xong các khoản nợ, chị Phạm Thị Kim O, anh Trần Duy H phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Phương thức và thời gian trả nợ như sau: Chị Phạm Thị Kim O và anh Trần Duy H cam kết chậm nhất đến hết ngày 30/8/2026, chị O và anh H phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang tổng số tiền **3.362.425.684** đồng nêu trên và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 24/6/2026, cho đến khi tất toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2.4. Trường hợp đến hết ngày 30/8/2026, chị Phạm Thị Kim O và anh Trần Duy H không trả nợ hoặc không trả được hết số tiền nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang theo quy định của pháp luật. Tài sản bảo đảm là:

Toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 87 bản đồ địa chính; địa chỉ thửa đất: Tổ 1^A khu phố Quang V, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (cũ), nay là số nhà 794, đường T, thôn 6, xã B, tỉnh Tuyên Quang; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 533.414, vào sổ cấp GCN số

H00552, Quyết định số 2776/QĐ-UB, do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang, cấp ngày 23/11/2005, đứng tên ông Phạm Quốc D và bà Nguyễn Thị Bích N, (ngày 27/9/2022, ông Phạm Quốc D là người hưởng thừa kế quyền sử dụng đất, theo văn bản phân chia di sản số 556 ngày 27/9/2022 tại Văn phòng công chứng B) và Biên bản xem xét thẩm định ngày 09/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang (có sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ kèm theo).

2.5. Trường hợp sau khi xử lý phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang, thì chị Phạm Thị Kim O và anh Trần Duy H phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang cho đến khi tất toán xong toàn bộ các khoản nợ.

2.6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Đồng bị đơn chị Phạm Thị Kim O và anh Trần Duy H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 49.624.257 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang; địa chỉ: Số 382 Nguyễn T, phường H 1, tỉnh Tuyên Quang, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.901.562 đồng, theo biên lai số 0000219 ngày 30/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND KV4;
- VKSND tỉnh;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh;
- Lưu HS-BP.

THẨM PHÁN

Vương Thị Thu Hà